

Bản án số: 293/2018/KDTM-PT
Ngày: 20/3/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:

Bà Ủ Thị Bạch Yến

Bà Hà Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2017/TLPT- KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P.

Địa chỉ: 25 Bis đường N, phường B, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng P (có mặt), sinh năm 1988, là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/12/2017.

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1951 (có mặt)

2. Bà Lê Thị Á, sinh năm 1955 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 558 đường Q, Khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (ông B và bà A): Ông Nguyễn Đại G, sinh năm 1960 (có mặt), là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 18/4/2017.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Lê K, sinh năm 1976 (vắng mặt)
2. Bà Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1979 (vắng mặt)
3. Ông Huỳnh Lê S, sinh năm 1984 (vắng mặt)
4. Bà Huỳnh Thị Ngọc B, sinh năm 1989 (vắng mặt)
5. Trẻ Huỳnh Phạm Thanh L, sinh năm 2011, có bà Huỳnh Thị Ngọc B (vắng mặt) là đại diện theo pháp luật
6. Trẻ Huỳnh Phạm Thanh L, sinh năm 2011, có ông Huỳnh Lê K (vắng mặt) là đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ: 558 đường Q, Khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị Â.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 16/3/2016 của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng P), lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Ngân hàng P và ông Huỳnh Văn B, bà Lê Thị Â ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0459/12/HĐTDHM/CN ngày 11/6/2012 và Khế ước nhận nợ số 0459.01/12/KUNN ngày 12/6/2012, với nội dung là Ngân hàng P đồng ý cho ông B và bà Â vay với số tiền 1.350.000.000đồng, mục đích là bổ sung vốn hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay từ ngày 12/6/2012 đến ngày 12/6/2013, lãi suất vay 17% năm, cố định 03 tháng đầu, điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho hợp đồng tín dụng hạn mức nêu trên là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 558 đường Q, Khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 014825 ngày 11/6/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số công chứng 014825/SĐBS – 01 ngày 07/10/2015 giữa Ngân hàng P và ông B, bà Â, được đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/10/2015.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông B, bà Â số tiền vay 1.350.000.000đồng nhưng ông B, bà Â mới thanh toán được 220.774.600đồng tiền lãi trong hạn vào ngày 12/6/ 2013 và 400.000.000đồng tiền nợ gốc vào ngày 13/9/2013.

Do ông B, bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu ông B, bà A thanh toán cho Ngân hàng P số tiền nợ gốc còn lại là 950.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2017 là 856.017.083đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 1.806.017.083đồng. Nếu ông B, bà A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp đối với nhà và đất tại số 558 đường Q, Khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02812 ngày 11/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh). Ngoài ra, Ngân hàng P yêu cầu ông B, bà A thanh toán tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn - ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị Á có ông Nguyễn Đại G là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông B và bà A thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0459/12/HĐTDHM/CN ngày 11/6/2012 để vay Ngân hàng P số tiền 1.350.000.000đồng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất 17%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay, ông B và bà A đã thế chấp nhà và đất tọa lạc tại số 558 đường Q, Khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 014825 ngày 11/6/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 014825/SĐBS-01 ngày 07/10/2015 đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện hợp đồng, ông B, bà A đã nhận 1.350.000.000đồng và thanh toán cho Ngân hàng P tiền lãi hàng tháng đầy đủ và đúng thỏa thuận. Ngày 16/9/2013, ông B, bà A đã thanh toán cho Ngân hàng P 400.000.000đồng tiền gốc.

Nay ông B, bà A đồng ý thanh toán số tiền gốc 950.000.000đồng theo yêu cầu của Ngân hàng P. Về tiền lãi, ông B và bà A không đồng ý thanh toán vì Ngân hàng P tính tiền lãi ngày chong ngày. Theo bảng thanh toán của Ngân hàng P tính tiền lãi đối với ông B, bà A như sau: Từ 12/6/2012 đến 12/7/2012, từ 12/7/2012 đến 12/8/2012.

Do ông B và bà A già yếu, không còn khả năng lao động nên đề nghị Ngân hàng P xem xét không tính lãi suất quá hạn cho ông B, bà A và được trả vốn trong thời hạn 01 năm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Lê K cùng đại diện cho trẻ Huỳnh Phạm Thanh L, bà Huỳnh Thị Ngọc M, ông Huỳnh Lê S, bà Huỳnh Thị Ngọc B cùng đại diện cho trẻ Nguyễn Hoàng Bảo Khôi đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại Bản án số 73/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP P.

Buộc ông Huỳnh Văn B, bà Lê Thị Á phải trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền 1.806.017.083đồng trong đó nợ gốc là 950.000.000đồng và nợ lãi là 856.017.083đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0459/12/HĐTDHM/CN ngày 11/6/2012.

Ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị Á sẽ tiếp tục chịu tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số tín dụng số 0459/12/HĐTDHM/CN ngày 11/6/2012 từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết số nợ trên.

Sau khi ông B, bà Á thanh toán xong số tiền nợ trên thì Ngân hàng TMCP P có nghĩa vụ trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp là nhà và đất tọa lạc tại số 558 đường Q, Khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh mà Ngân hàng đang giữ cho ông B, bà Á.

Nếu ông B, bà Á không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán như trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là nhà và đất tọa lạc tại số 558 đường Q, Khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 02812 ngày 11/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị Á để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/10/2017 (nộp tại Tòa án vào ngày 26/10/2017), bị đơn là ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị Á có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – ông Huỳnh Văn B, bà Lê Thị Á có ông Nguyễn Đại G là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông B, bà Á xác định chỉ kháng cáo yêu cầu được miễn lãi suất quá hạn và thời hạn trả nợ, đồng ý để ông Nguyễn Đại G tiếp tục là người đại diện theo ủy quyền của ông B và bà Á tại phiên tòa.

Ông B, bà Á và ông Nguyễn Đại G yêu cầu được ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông B, bà Á và đại diện hợp pháp của Ngân hàng P đối với phần kháng cáo của ông B, bà Á như sau:

Ngân hàng P đồng ý cho ông B, bà Á trả số nợ là 1483.543.332đồng, bao gồm: 950.000.000đồng nợ gốc và 533.543.332đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (đã giảm một phần tiền lãi quá hạn là 322.473.752đồng). Thời hạn cuối cùng để trả số nợ nêu trên là ngày 29/5/2018.

Quá ngày 29/5/2018 mà ông B, bà A chưa trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên thì ông B, bà A phải trả đủ số tiền nợ là 1.806.017.083đồng, bao gồm 950.000.000đồng nợ gốc và 856.017.083đồng nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0459/12/HĐTDHM/CN ngày 11/6/2012 như quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông B, bà A tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0459/12/HĐTDHM/CN ngày 11/6/2012 và Khế ước nhận nợ số 0459.01/12/KUNN ngày 12/6/2012 kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong số nợ.

Ông B, bà A chịu án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn – Ngân hàng P có bà Nguyễn Thị Hoàng P là đại diện hợp pháp trình bày:

Ngân hàng P đã thỏa thuận với ông B, bà A đối với yêu cầu kháng cáo của ông B, bà A như trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

Đối với phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm sẽ có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Lê K, bà Huỳnh Thị Ngọc M, ông Huỳnh Lê S, bà Huỳnh Thị Ngọc B, trẻ Huỳnh Phạm Thanh L có bà Huỳnh Thị Ngọc B là đại diện theo pháp luật và trẻ Huỳnh Phạm Thanh L có ông Huỳnh Lê K là đại diện theo pháp luật đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình từ thụ lý cho đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng. Đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự có mặt tại phiên tòa phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, đối với phần kháng cáo nêu trên và giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn và thủ tục kháng cáo của đương sự hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Lê K cùng đại diện cho trẻ Huỳnh Phạm Thanh L, bà Huỳnh Thị Ngọc M, ông Huỳnh Lê S, bà Huỳnh Thị Ngọc B cùng đại diện cho trẻ Nguyễn Hoàng Bảo Khôi đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn - ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị Á, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định: Ngân hàng P đã cho ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị Á vay số tiền 1.350.000.000đồng. Tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay nêu trên là nhà và đất tọa lạc tại số 558 đường Q, Khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 02812 ngày 11/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị Á.

Do ông B, bà Á vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng P khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông B và bà Á phải trả số nợ 1.806.017.083đồng trong đó nợ gốc là 950.000.000đồng và nợ lãi là 856.017.083đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0459/12/HĐTDHM/CN ngày 11/6/2012, Khế ước nhận nợ số 0459.01/12/KUNN ngày 12/6/2012 và xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp trong trường hợp quá hạn trả nợ mà ông B, bà Á không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ.

Ông B, bà Á kháng cáo yêu cầu được giảm lãi suất quá hạn và được kéo dài thời hạn trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn – Ngân hàng P có bà Nguyễn Thị Hoàng P là đại diện hợp pháp và ông Huỳnh Văn B, bà Lê Thị Á có ông Nguyễn Đại G là đại diện hợp pháp thỏa thuận và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với phần kháng cáo của ông B, bà Á như sau:

Ngân hàng P đồng ý cho ông B, bà Á trả số nợ là 1483.543.332đồng, bao gồm: 950.000.000đồng nợ gốc và 533.543.332đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (đã giảm một phần tiền lãi quá hạn là 322.473.752đồng). Thời hạn cuối cùng trả số nợ nêu trên là ngày 29/5/2018.

Quá ngày 29/5/2018 mà ông B, bà Á chưa trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên thì ông B, bà Á phải trả đủ số tiền nợ là 1.806.017.083đồng, bao gồm: 950.000.000đồng nợ gốc và 856.017.083đồng nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0459/12/HĐTDHM/CN ngày 11/6/2012 như quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông B, bà A tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0459/12/HĐTDHM/CN ngày 11/6/2012 và Khế ước nhận nợ số 0459.01/12/KUNN ngày 12/6/2012 kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong số nợ.

Ông B, bà A chịu án phí theo quy định pháp luật.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về phần kháng cáo của bị đơn – ông Huỳnh Văn B, bà Lê Thị A nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với phần kháng cáo như ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại: Ông B, bà A chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông B, bà A không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 148, khoản 3 Điều 296, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 323, Điều 342, Điều 348, Điều 349, Điều 715, Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Ghi nhận sự thỏa thuận nguyên đơn – Ngân hàng TMCP P có bà Nguyễn Thị Hoàng P là đại diện theo ủy quyền và ông Huỳnh Văn B, bà Lê Thị A có

ông Nguyễn Đại G là đại diện theo ủy quyền đối với phần kháng cáo của ông B, bà A như sau:

Ngân hàng TMCP P đồng ý cho ông B, bà A trả số nợ là 1.483.543.332đồng, bao gồm: 950.000.000đồng nợ gốc và 533.543.332đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (đã giảm một phần tiền lãi quá hạn là 322.473.752đồng). Thời hạn cuối cùng trả số nợ nêu trên là ngày 29/5/2018.

Quá ngày 29/5/2018 mà ông B, bà A chưa trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên thì ông B, bà A phải trả đủ số tiền nợ là 1.806.017.083đồng, bao gồm: 950.000.000đồng nợ gốc và 856.017.083đồng nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0459/12/HĐTDHM/CN ngày 11/6/2012 như quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông B, bà A tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0459/12/HĐTDHM/CN ngày 11/6/2012 và Khế ước nhận nợ số 0459.01/12/KUNN ngày 12/6/2012 kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong số nợ.

Phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật như sau:

Sau khi ông B, bà A thanh toán xong số tiền nợ trên thì Ngân hàng TMCP P có nghĩa vụ trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp là nhà và đất tọa lạc tại số 558 đường Q, Khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh mà Ngân hàng TMCP P đang giữ cho ông B, bà A.

Nếu ông B, bà A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán như trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là nhà và đất tọa lạc tại số 558 đường Q, Khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 02812 ngày 11/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị A để thu hồi nợ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

Ông Huỳnh Văn B, bà Lê Thị A phải chịu 56.506.299đồng (năm mươi sáu triệu năm trăm lẻ sáu ngàn hai trăm chín mươi chín đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 28.964.999đồng (hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm chín mươi chín đồng) theo biên lai số 0014867 ngày 22/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại:

Ông Huỳnh Văn B, bà Lê Thị A không phải chịu, hoàn trả cho ông B và bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0037434 ngày 02/11/2017 và 1.700.000đồng (một triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0037656 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phong